

Nội dung bài viết

1. [Bài văn mẫu 1: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt hay](#)
2. [Bài văn hay 2: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt](#)
3. [Bài văn mẫu 3: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt siêu hay](#)
4. [Dàn ý chi tiết: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt](#)

Bài văn mẫu 1: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt hay

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng trên văn đàn Việt Nam đã có rất nhiều những tác phẩm và những cây bút xuất sắc, nhưng ở mỗi một tác giả, tác phẩm ta lại thấy một khía cạnh riêng, mang tính cá nhân của người viết. Ví như Nguyễn Công Hoan là giọt nước mắt đau đớn, nỗi khổ của người nông dân dưới những mẫu truyện ngắn cười ra nước mắt ví như Tinh thần thể dục hay Kép tư bần. Hay Ngô Tất Tố là nỗi đau đớn, xót xa cho những kiếp người cùng cực dưới nạn thuế má trong Tắt đèn. Hoặc một Nam Cao lạnh lùng, với hiện thực trần trụi đau đớn với kiếp sống đầy bi kịch của Chí Phèo.

Và rồi đến với Kim Lân, một tác giả có số lượng tác phẩm cực ít thế nhưng lại là một trong 10 tác giả tiêu biểu nhất của nền văn học hiện thực Việt Nam với hai tác phẩm Làng và Vợ Nhặt. Thành công của Kim Lân đến từ sự khác biệt trong lối hành văn và cách tư duy, ông dùng cái hiện thực để làm nổi bật lên những cá tính và phẩm chất tốt đẹp của con người. Lấy tư tưởng nhân văn nhân đạo phát triển lên, không chỉ có tính phản ánh mà còn mở ra cho nhân vật của mình một lối thoát mới ấy là Cách mạng, thứ mà những nhà văn viết về đề tài này trước đó chưa khai mở được. Trong tác phẩm Vợ nhặt bức tranh hiện thực hiện lên dưới ngòi bút của Kim Lân bằng những câu văn nhẹ nhàng, nhưng vô cùng ám ảnh và u ám.

Bối cảnh trong Vợ nhặt là một bối cảnh rất đặc biệt, là giai đoạn đau thương trong lịch sử dân tộc. Kim Lân đã phản ánh một cách chân thực tình cảnh khổ của người nông dân trong nạn đói những năm 1944-1945 thông qua ba nhân vật Tràng, thị và bà cụ Tứ. Người nông dân đầu tiên hiện lên ấy là Tràng, một chàng trai còn trẻ, vô tư, nhưng cuộc sống nghèo khổ, sống vật vờ lay lắt như một cành củi khô dưới bầu trời u ám, ngày ngày lao động quần quật với công việc kéo xe. Cái đói, cái khổ những năm tháng ấy khiến một anh con trai vốn sức vóc cũng trở nên tiều tụy, mệt mỏi “Tràng cúi đầu bước từng bước chậm chạp”, tàn tạ vô cùng. Còn thị, một người đàn bà, bị cái đói hành hạ đến độ cong cớn, sưng sả vì miếng ăn, rồi cuối cùng vì 4 bát bánh đúc mà đánh đổi cả một đời làm vợ người. Thị đã ở bên bờ vực của cái chết, nên thị phải chấp nhận mang trên mình cái danh người “vợ nhặt”, tựa như cọng rơm, cọng rác vút đầu đó ngoài xó chợ. Cuối cùng là bà cụ Tứ, một người đàn bà tội nghiệp, tuổi cao sức yếu, đáng lý ra nên ở nhà bồng cháu, bồng chắt, thế nhưng bà vẫn dăm dăm nỗi lo không lấy được vợ cho đứa con trai duy nhất, rồi cả nỗi lo đói

kém, bà vẫn phải lao động miệt mài, với một tương lai u ám và một tia ni ền tin còn lóe sáng, rằng c ần c ự được qua cơn đói này tương lai sẽ tốt hơn.

Đó là nạn đói qua số phận ba nhân vật chính, nhưng nó còn khủng khiếp hơn khi người ta nhìn ra ngoài kia, nơi những con người của xóm ngụ cư đang đếm từng bước đến nghĩa địa. Có thể nói rằng chưa từng có một nhà văn nào lại có thể vẽ ra một bi kịch nạn đói kinh hoàng và ám ảnh đến thế, những người dân tản cư, b ồng b ể, dắt díu nhau nhếch nhác “xanh xám như bóng ma”, “ngõn ngang khắp l ầu chợ”, cảnh “người chết như ngả rạ”, “không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”. Khung cảnh thê lương, tối tăm và lạnh lẽo, “bóng người đói dật dờ lặng lẽ đi lại như bóng ma”, cùng với “tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng h ữ khủng khiếp”, như tiếng vẫy gọi đ ầy ám ảnh của tử th ần. Có thể nói rằng nạn đói đã biến một ngôi làng thành nơi mà cái chết hiện diện, bao trùm khắp không gian và thời gian, khiến con người ta không thể trốn chạy, vật vờ, ngột ngạt và tuyệt vọng. Bức tranh hiện thực của Kim Lân hiện lên tàn khốc đến nỗi con người ở đây dường như đã nhìn thấy cái chết của mình, và đang chậm rãi chờ nó tới “khó ai có thể tin mình sống nổi” trong đó có cả 3 con người đang c ần c ự là Tràng, thị và cụ Tứ. Bởi dẫu Chí Phèo dù đã ở dưới đáy của xã hội, nhưng vẫn có lúc tin vào hạnh phúc với Thị Nở, còn mẹ con Tràng và những con người ngoài kia thậm chí còn chẳng tin vào việc sống sót chứ đừng nói đến hạnh phúc gia đình. Xóm ngụ cư ấy dường như đã bước một bàn chân sang nghĩa địa, sự sống và cái chết chỉ là một bức màn mỏng, mong manh vô cùng, động một cái thôi là đã có vài người ngã xuống, thảm hại và bi thương. Bi kịch nạn đói còn thể hiện cả trong đời sống của gia đình Tràng, “bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại, giữa cái mệt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, một đĩa muối ăn với cháo”. Nếu trong cảnh khác, mà không phải nạn đói, có lẽ chẳng ai nuốt nổi bữa cơm “đạm bạc” ấy, thế nhưng cả nhà Tràng đều ăn rất ngon lành vui vẻ. Nhưng gây ấn tượng và có giá trị phản ánh hiện thực sâu sắc nhất vẫn là hình ảnh n ữ cháo cám mà bà cụ Tứ bảo là món “chè khoán” mừng tân hôn. Vị đắng ngắt, nghẹn ứ nơi cổ họng của Tràng chính là mùi vị khốn khổ của những năm tháng kinh hoàng ấy, con người ta tàn tạ đến mức phải ăn cả thức ăn của gia súc để giành giật lại sự sống. Và còn biết bao nhiêu cảnh đời khốn khổ vật vạ, không có cả cám để ăn r ồi chờ th ần chết đến đến mang mình đi. R ồi ám ảnh đến mức trong đêm tân hôn của Tràng và thị Kim Lân vẫn đặt vào đó “Tiếng ai hò khóc ngoài xóm lọt vào tỉ tê lúc to lúc nhỏ”, u ám và thiêu n ả càng làm nổi bật lên cái hiện thực khốc liệt của người nông dân trong nạn đói.

Vợ nhặt của Kim Lân là một tác phẩm văn học hiện thực xuất sắc, người ta thấy ở đó một nạn đói kinh hoàng với những sinh linh bé nhỏ, tàn tạ bước từng bước l ần v ề nghĩa địa, thấy được cái không khí tang thương, u uất, tràn ngập mùi tử thi bao trùm trên xóm nhỏ. Đồng thời có ý nghĩa phản ánh sự tàn ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật những kẻ đã gây ra thảm kịch cho hơn hai triệu đ ồng bào.

Bài văn hay 2: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt

Trong nền văn học VN hiện đại, Kim Lân là một nhà văn có nhiều đóng góp tích cực về thể loại truyện ngắn và đề tài nông dân. Mặc dù trong hai giai đoạn sáng tác ông viết không nhiều tuy nhiên khi nhắc đến ông người đọc không thể không nhớ đến các truyện ngắn như: Làng, Đứa con người vợ lẽ, Vợ nhặt....

Trong đó có thể nói “Vợ nhặt” là truyện ngắn đặc sắc. Qua câu chuyện Tràng tình cờ nhặt người đàn bà về làm vợ trong hoàn cảnh XH đang diễn ra nạn đói khủng khiếp Kim Lân đã đặt ra những vấn đề hết sức sâu sắc. Đó là giá trị nhân phẩm của con người và những phẩm chất tích cực của những người lao động nghèo khổ trong hoàn cảnh XH tối tăm.

Tràng là một thanh niên có thân phận và địa vị XH thấp kém. Anh có một ngoại hình xấu, quê kệch với đôi mắt nhỏ tí và hai quai hàm bạnh ra. Anh lại mồ côi cha, sống với bà mẹ già trong một ngôi nhà rúm ró, xiêu vẹo. Bản thân anh cũng không có một nghề nghiệp vững chắc, ổn định. Hằng ngày anh gò lưng kéo xe bò chở thóc mướn để kiếm miếng ăn nuôi thân và nuôi bà mẹ già. Anh lại thuộc hạng dân ngụ cư, hạng dân lép vế nhất trong hệ thống làng xã VN trước kia.

Với thân phận và địa vị như thế theo lẽ thường cuộc đời Tràng rồi sẽ tàn lụi trong cảnh cô đơn, buồn cùng nói chi đến chuyện hạnh phúc lứa đôi. Bởi lẽ không một người đàn bà nào lại dại dột gắn cả cuộc đời mình với một người thanh niên như vậy. Thế nhưng trong diễn biến câu chuyện Tràng lại có vợ hay nói đúng hơn là tình cờ nhặt được vợ không phải mất tiền tổ chức nghi lễ cưới hỏi theo lẽ thường tình.

Tràng gặp người đàn bà ấy vốn vẹn chỉ hai lần. Lần thứ nhất khi kéo xe bò vào dốc tỉnh thấy mấy chị con gái đang ngẩng về ra, Tràng cất giọng hò chơi một câu cho đỡ mệt: “Muốn ăn cơm trắng với giò này! Lại đây mà đẩy xe bò với anh nì”. Tràng không có chủ tâm chọc ghẹo cô nào nhưng không ngờ một chị cong cớn hỏi lại Tràng: “Này, nhà tôi ời nói thật hay nói khoác đấy?” Rồi chị ta lon ton chạy lại giúp Tràng đẩy xe bò lên dốc. Lần thứ hai khi Tràng đang ngẩng uống nước ở cổng chợ tỉnh, người đàn bà xuất hiện đột ngột trước mắt Tràng và mắng anh là “điều”. Ban đầu Tràng không nhận ra chị là ai khi người đàn bà gọi nhắc Tràng mới nhớ ra. Và bất đắc dĩ Tràng phải mời chị ăn trầu nhưng chị không chịu ăn trầu mà lại đòi ăn thứ khác. Tràng đành mời liêu: “Muốn ăn gì thì ăn”. Thế là chị xà xuống ăn một chập hết bốn bát bánh đúc mà chẳng nói năng gì. Chị ăn xong Tràng ồm ồm nửa đùa nửa thật, tán tỉnh mà như nói chơi: “Này nói đùa chớ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”. Nhưng không ngờ người đàn bà đồng ý. Thế là Tràng và người đàn bà nên vợ nên chồng.

Tràng có vợ là việc khác thường ngoài sức tưởng tượng của mọi người từ người dân xóm ngụ cư đến bà cụ Tứ và cả chính bản thân Tràng. Khác thường hơn nữa vì

sự kiện ấy diễn ra trong cảnh nạn đói và nạn chết đói xảy ra khốc liệt. Bao gia đình ở Nam Định, Thái Bình phải rời bỏ quê hương dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma và nằm ngổn ngang khắp lều chợ, người chết đói như ngã rạ. Không buổi sáng nào, người trong làng đi chợ đi làm đường không gặp ba, bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người. Nạn đói đã chẳng buông tha ai. Trong hoàn cảnh nạn đói và nạn chết đói đang hoành hành, một thanh niên có thân phận và địa vị xã hội thấp kém như Tràng mà vẫn nhặt được vợ nhờ vài bát bánh đúc, sự kiện đó đã làm nổi bật lên chủ đề của tác phẩm đó là vấn đề nhân phẩm của con người trong hoàn cảnh xã hội tối tăm. Chủ đề vừa nêu có ý nghĩa phê phán xã hội gây gắt.

“Vợ nhặt” không chỉ được viết bằng cảm hứng tố cáo vạch tội các thế lực thống trị, tác phẩm còn toát lên tinh thần nhân đạo sâu sắc thể hiện qua cái nhìn phát hiện và khẳng định những phẩm chất tích cực của người lao động trong hoàn cảnh xã hội tối tăm.

Trước hết đó là khát vọng về hạnh phúc đôi lứa của người lao động cùng khổ. Đọc lướt qua truyện chúng ta thấy việc Tràng và người đàn bà về chung sống với nhau diễn ra hình như là hết sức ngẫu nhiên tình cờ nhưng nếu ở cả hai con người khổ ấy không tiềm ẩn nỗi khát khao về hạnh phúc lứa đôi thì chắc hẳn họ đã không nên vợ nên chồng và cuộc gặp gỡ ấy có thể dẫn đến một cuộc mua bán đổi chát giữa kẻ có cái ăn trong tay và một người đang đói khát. Chính khát vọng hạnh phúc đã khơi dậy ở họ những tình cảm mới lạ. Trên đường về nhà mặt Tràng có vẻ gì phóng phở khác thường, anh tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Có lúc Tràng quên đi cuộc sống tối tăm ê chề hàng ngày, quên cả cái đói đang đe dọa. Anh cảm thấy một cái gì mới mẻ lạ lẫm nó ôm ấp mệnh mang khắp da thịt. Còn người đàn bà mặc dù chị có vẻ khó chịu trước ánh mắt tò mò và những lời trêu chọc trong xóm ngụ cư nhưng vẫn không giấu được vẻ e thẹn.

Đặc biệt là sau đêm chung sống với nhau. Tràng và người đàn bà như được lột xác biến thành hai con người khác hẳn. Người đàn bà thì trông hiên hậu đúng mực còn Tràng thì cảm thấy một niềm vui sướng phấn chấn tràn ngập trong lòng. Hơn nữa anh còn ý thức được rằng mình là một người chồng, người chủ gia đình phải có trách nhiệm gánh vác.

Rõ ràng là đằng sau vẻ tình cờ ngẫu nhiên xoay quanh việc Tràng nhặt được vợ thì chính khát vọng hạnh phúc lứa đôi đã thúc đẩy Tràng và người đàn bà đến với nhau và nên vợ nên chồng bất chấp sự bần cùng và nạn đói đang đè nặng lên xã hội. Đáng lưu ý hơn nữa dù sống trong cảnh tối tăm thê thảm nhưng người lao động vẫn thể hiện một tấm lòng nhân hậu vị tha cao cả. Điều đó thể hiện tập trung qua thái độ suy nghĩ của bà cụ Tứ đối với người đàn bà xa lạ mà Tràng nhặt về nhà làm vợ. Theo lẽ thường trong hoàn cảnh nạn đói đang đe dọa từng ngày, từng giờ, bà cụ Tứ có đủ lí do ngăn cấm và xua đuổi người đàn bà kia. Bởi vì nếu bà đồng ý cho người đàn bà

về chung sống với con mình thì đi đâu đó cũng có nghĩa là rước về nhà thêm một miệng ăn, trước cái đói về nhà. Thế nhưng bà cụ Tứ lại không làm như vậy. Trái lại, bà cụ còn cảm thông, tủi hổ cho chị và vui vẻ chấp nhận chị làm con dâu: “Người ta có gặp bước khó khăn đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình mà con mình mới có được vợ”. Không xua đuổi hắt hủi một con người cùng đường khổ nhọc mà còn xem như là một ân nhân, tấm lòng nhân hậu vị tha của bà cụ Tứ thật là cao cả hiếm thấy. Cùng với khát vọng hạnh phúc là khát vọng đổi đời, khát vọng vùng lên giành lấy áo cơm, giành lấy sự sống, niềm tin vào tương lai của người lao động nghèo khổ. Khát vọng chính đáng ấy được gọi mở khéo léo qua thái độ ngạc nhiên của vợ Tràng khi nghe bà cụ Tứ nói đến chuyện đóng thuế. Đặc biệt là hình ảnh đoàn người đi phá kho thóc và lá cờ đỏ bay phấp phới hiện ra trong suy nghĩ của Tràng. Truyện thành công với tình huống truyện độc đáo, tài năng thể hiện diễn biến tâm lý nhân vật tinh tế và cách dùng ngôn ngữ lời ăn tiếng nói của người dân lao động. “Vợ nhặt” được xem là một thành công lớn của nhà văn Kim Lân.

“Vợ nhặt” là truyện ngắn đặc sắc của Kim Lân lấy đề tài về nạn đói 1945 nhưng truyện được sáng tác sau CM tháng Tám nên Kim Lân đã có một khoảng thời gian cần thiết để suy ngẫm nhìn nhận vấn đề và dụng công nghệ thuật. Nhờ đó Kim Lân đã nêu lên được những vấn đề XH, con người một cách sâu sắc dựa trên tình huống truyện độc đáo kết hợp với nghệ thuật kể chuyện linh hoạt và ngòi bút miêu tả tinh tế.

Bài văn mẫu 3: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt siêu hay

Kim Lân là một nhà văn của nông thôn, rất hiểu người nông dân, lại là người trong cuộc của cái nạn đói khủng khiếp này, nên ông đã dựng lên trong Vợ nhặt - một bức tranh cô đúc mà đầy đủ, khái quát mà cụ thể, khắc sâu thành ấn tượng rõ nét:

Bức tranh toàn cảnh về nạn đói khủng khiếp năm 1945 với cảnh người đói bồng bềnh, dắt díu nhau xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ", "bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma và sau đó là "người chết như ngã rạ", "thây nằm còng queo bên đường", không khí vẫn lên mùi gây của xác người", rồi "mùi đốt đồng rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt" và "tiếng hò khóc tỉ tê trong đêm khuya" Cái đói đã tràn đến xóm ngụ cư, ủa vào gia đình anh Tràng, bủa vây và đe dọa số phận từng con người, không trừ một ai.

Bức tranh về số phận những con người trên bờ vực thẳm của nạn đói: Ở xóm ngụ cư là "những khuôn mặt hốc hác u tối" trong "cuộc sống đói khát", "không nhà nào có ánh đèn, lửa", đến cả trẻ con cũng "ngồi ủ rũ dưới những xó đất; không buồn nhúc nhích". Trong gia đình Tràng thì bà cụ Tứ già lão không làm được gì, anh con trai đẩy xe bò thuê để kiếm sống qua ngày, người con dâu áo quần rách như tổ đũa, gầy sọp hẳn đi, hai con mắt trũng hoáy, cái ngực gầy lép nhô hẳn lên"... Số phận của họ có khác gì "cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổm ngổm những bụi cỏ dại" và bữa cơm ngày đói với nồi cháo cám "đắng chát và nghẹn bứ trong cổ"... Có

một hiện thực tuy chưa rõ nét nhưng đã hiện ra ở cuối truyện trong ý nghĩ của Tràng: "cảnh những người nghèo đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm". Đoàn người khi phá kho thóc Nhật và lá cờ của Việt Minh. Đây là hiện thực nhưng cũng là ước mơ của những người như Tràng.

Nạn đói khủng khiếp, số phận bi thảm của những người đói và lá cờ cách mạng là những mặt chủ yếu nhất của hiện thực lúc bấy giờ được Kim Lân phản ánh bằng những nét bản chất đã làm nên giá trị hiện thực sâu sắc của tác phẩm như chứng tích văn học về một sự kiện lịch sử không thể nào quên.

Dàn ý chi tiết: Phân tích giá trị hiện thực trong truyện Vợ nhặt

I. Mở bài

- Đề tài người nông dân trước cách mạng.
- Sơ lược về Kim Lân và giá trị hiện thực trong Vợ nhặt.

II. Thân bài:

a. Kim Lân đã phản ánh một cách chân thực tình cảnh khốn khổ của người nông dân trong nạn đói những năm 1944-1945 thông qua ba nhân vật Tràng, thị và bà cụ Tứ.

- Tràng, một chàng trai còn trẻ, vô tư, nhưng cuộc sống nghèo khổ, sống vật vờ lay lắt như một cành củi khô dưới bầu trời u ám, ngày ngày lao động quần quật với công việc kéo xe.
- Thị, một người đàn bà, bị cái đói hành hạ đến độ cong cớn, sưng sả vì miếng ăn, rồi cuối cùng vì 4 bát bánh đúc mà đánh đổi cả một đời làm vợ người.
- Cụ Tứ, một người đàn bà tội nghiệp, tuổi cao sức yếu, dăm dăm nỗi lo không lấy được vợ cho đứa con trai duy nhất, rồi cả nỗi lo đói kém, bà vẫn phải lao động miệt mài, với một tương lai u ám và một tia niềm tin còn lóe sáng, rằng cần cù được qua cơn đói này tương lai sẽ tốt hơn.

b. Xóm ngụ cư:

- Bi kịch nạn đói kinh hoàng và ám ảnh, những người dân tản cư, bồng bế, dắt díu nhau nhếch nhác "xanh xám như bóng ma", "ngổn ngang khắp lều chợ", cảnh "người chết như ngả rạ", "không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người".

- Khung cảnh thê lương, tối tăm và lạnh lẽo, “bóng người đói dật dờ lặng lẽ đi lại như bóng ma”, cùng với “tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi khủng khiếp”

=> Nạn đói đã biến một ngôi làng thành nơi mà cái chết hiện diện, bao trùm khắp không gian và thời gian, khiến con người ta không thể trốn chạy, vật vờ, ngột ngạt và tuyệt vọng.

c. Bức tranh sinh hoạt gia đình Tràng:

- “bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại, giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, một đĩa muối ăn với cháo”.

- Hình ảnh nồi cháo cám mà bà cụ Tứ bảo là món “chè khoán” mừng tân hôn. Vị đắng ngắt, nghẹn ứ nơi cổ họng của Tràng chính là mùi vị khốn khổ của những năm tháng kinh hoàng ấy, con người ta tàn tạ đến mức phải ăn cả thức ăn của gia súc để giành giật lại sự sống.

- Trong đêm tân hôn của Tràng và thị Kim Lân vẫn đặt vào đó “Tiếng ai hờ khóc ngoài xóm lọt vào tỉ tê lúc to lúc nhỏ”, u ám và thiếu ngủ càng làm nổi bật lên cái hiện thực khốc liệt của người nông dân trong nạn đói.

III. Kết bài:

- Khái quát lại vấn đề